

# TỔNG QUAN PHÁT ÂM

## ÂM PHỤ ÂM (P2)

### TỔNG QUAN VỀ PHỤ ÂM

#### ÂM PHỤ ÂM PHỔ BIẾN TỪ PHỤ ÂM [ch]

Phụ âm [ch] được phát âm thành nhiều âm phụ âm khác nhau như:

- /tʃ/ - Cheap – Chance
- /k/ - Scheme – School
- /ʃ/ - Machine - Chef

**(1) Phụ âm [ch] được phát âm thành /tʃ/ trong đa số các từ trong tiếng Anh.**

Cheap	Chance	Chop	Cheer
Choice	Chess	Watching	Reaching

**(2) Phụ âm [ch] được phát âm thành /k/ khi từ có phụ âm [ch] được xuất xứ từ tiếng Hi Lạp (Greek).**

Mechanic	Chemistry	Anchor	Chaos
Echo	Orchestra	Psychology	Character
Choir	Chorus	Chemist	Architect
Archive	Orchid	Monarchy	Chronic

**Lưu ý:** Phụ âm [ch] trong vần “chr” và “sch” đều được phát âm thành /k/ như: School – Scheme – Christ – Christmas.

**Chú ý:** Phụ âm [ch] tận cùng một từ thường sẽ được phát âm thành /tʃ/.

Watch	Beach	Match	Peach
-------	-------	-------	-------

**Ngoại lệ:** Stomach – Tech – Czech - Monarch /k/

**Tuy nhiên:** [ch] trong vần [ache] được phát âm thành /k/

Headache	Toothache	Stomachache
----------	-----------	-------------

**Ngoại lệ:** Mustache /ʃ/

**(3) Phụ âm [ch] được phát âm thành // khi từ có phụ âm [ch] có nguồn gốc từ tiếng Pháp (French).**

Machine	Champagne	Chef	Crochet
Brochure	Parachute	Chandelier	

**Quiz 12:** Hãy lựa chọn từ có phụ âm gạch chân phát âm khác với các từ còn lại.

- |                       |                   |                  |                   |
|-----------------------|-------------------|------------------|-------------------|
| 1. A. <u>M</u> achine | B. <u>O</u> cean  | C. <u>C</u> hef  | D. <u>C</u> hief  |
| 2. A. <u>C</u> at     | B. <u>O</u> rchid | C. <u>C</u> hick | D. <u>S</u> chool |

### ÂM PHỤ ÂM PHỔ BIẾN TỪ PHỤ ÂM [th]

Phụ âm [th] được phát âm thành nhiều âm phụ âm khác nhau như:

- /θ/ - Think – Thought

- /ð/ - They – Then

**(1) Phụ âm [th] được phát âm thành /θ/ khi [th] đứng đầu của đa số các từ trong tiếng Anh**

Think	Thank	Thought	Thousand
Theme	Thief	Throne	Throw

**Lưu ý:** Phụ âm [th] đứng trước các từ chức năng (đóng chức năng ngữ pháp), [th] sẽ được phát âm thành /ð/

This	That	These	Those	They	Them	
Their	There	Than	Then	Therefore	The	Though

**(2) Phụ âm [th] được phát âm thành /ð/ khi [th] đứng ở giữa hai nguyên âm**

Father	Mother	Weather	Leather
Other	Clothing	Mouthing	

**(3) Phụ âm [th] được phát âm thành /θ/ khi [th] đứng cuối một từ.**

Bath	Math	Breath	Cloth
------	------	--------	-------

**Ngoại lệ:** With /ð/

Hậu tố [-the] được phát âm thành /ð/.

Bathe	Breathe	Clothe	Loathe
-------	---------	--------	--------

**Quiz 13:** Hãy lựa chọn từ có phụ âm gạch chân phát âm khác với các từ còn lại.

- |                     |                     |                   |                   |
|---------------------|---------------------|-------------------|-------------------|
| 1. A. <u>T</u> heir | B. <u>T</u> housand | C. <u>T</u> hough | D. <u>T</u> han   |
| 2. A. <u>W</u> ith  | B. <u>B</u> athe    | C. <u>M</u> outh  | D. <u>C</u> lothe |

## ÂM PHỤ ÂM PHỔ BIẾN TỪ PHỤ ÂM [x]

Phụ âm [x] được phát âm thành nhiều âm phụ âm khác nhau như:

- /ks/ - Fix - Mix

- /gz/ - Exam - Exit

**(1) Phụ âm [x] được phát âm thành /ks/ khi [x] đứng cuối một từ.**

Fix                  Mix                  Box                  Fax

(2) Phụ âm [x] được phát âm thành /gz/ khi [x] đứng giữa hai nguyên âm, và [x] đứng trước âm tiết trọng âm.

Exam                  Exit                  Exact                  Examp~~l~~

**Ngoại lệ:** Anxiety /z/

Phụ âm [x] được phát âm thành /ks/ khi [x] đứng giữa hai nguyên âm, và [x] đứng sau âm tiết trọng âm.

Exercise                  Flexible                  Maximum

**Quiz 14:** Hãy lựa chọn từ có phụ âm gạch chân phát âm khác với các từ còn lại.

1. A. Mixing                  B. Exert                  C. Exam                  D. Exist

2. A. Flexible                  B. Anxiety                  C. Maximum                  D. Exercise

## ÂM PHỤ ÂM PHỔ BIẾN TỪ PHỤ ÂM [g]

Phụ âm [g] được phát âm thành nhiều âm phụ âm khác nhau như:

- /g/ - Go - Gap

- /dʒ/ - Giant – Germ

**(1) Phụ âm [g] thông thường được phát âm là /g/ khi theo sau phụ âm [g] là các nguyên âm [a – u – o].**

Gap                  Gas                  Garden                  Game

Gun                  Gum                  Guide                  Guy

Go                  Gone                  Golf                  Got

(2) Phụ âm [g] thông thường được phát âm là /dʒ/ khi theo sau phụ âm [g] là các nguyên âm [e – i – y].

Germ                  Gen                  Gene                  Gel

Giant                  Ginger                  Gigantic                  Giraffe

Gym                  Energy                  Geology

Tuy nhiên, có một từ có [g] kết hợp với [e-i-y] nhưng vẫn phát âm thành /g/.

Get	Gift	Gear	Give	Foggy
Girl	Geese	Together	Piggy	

(3) Khi [g] đứng cuối một từ, sẽ được phát âm là /g/. Tuy nhiên, tổ hợp [-ge] và [-dge] khi đứng cuối một từ được phát âm thành /dʒ/.

Big	Flag	Bag	Pig
Manage	Huge	College	Arrange
Judge	Bridge	Fridge	Hedge

**Chú ý:** Tổ hợp [-ng] khi tận cùng một từ sẽ được phát âm là /ŋ/ như: Song – Sing – Hang – Lung

### ÂM PHỤ ÂM PHỔ BIẾN TỪ PHỤ ÂM [gh]

Phụ âm [gh] được phát âm thành nhiều âm phụ âm khác nhau như:

- /g/ - Ghost - Yoghurt
- /f/ - Laugh - Enough
- /slient/ - High - Though

**(1) Phụ âm [gh] thông thường được phát âm là /g/ khi [gh] đứng đầu một âm tiết.**

Ghost	Spaghetti	Yoghurt	Ghastly
-------	-----------	---------	---------

**(2) Khi phụ âm [gh] đứng cuối một từ, [gh] được phát âm thành /f/ hoặc không được phát âm.**

**[gh] được phát âm thành /f/:**

Laugh	Enough	Cough	Tough
-------	--------	-------	-------

[gh] không được phát âm

High	Weigh	Sleigh	Though
------	-------	--------	--------

**Chú ý:** [gh] trong hợp [-ght] sẽ không được phát âm.

Caught	Thought	Flight	Weight
--------	---------	--------	--------

**Quiz 15:** Hãy lựa chọn từ có phụ âm gạch chân phát âm khác với các từ còn lại.

1. A. life                      B. laugh                      C. lthough                      D. lcough
2. A. ghost                      B. giant                      C. gene                      D. joke

### MỘT SỐ TRƯỜNG HỢP CỦA CÁC PHỤ ÂM KHÁC

**(1) Phụ âm [d] thông thường được phát âm là /d/, tuy nhiên khi [d] kết hợp với âm nguyên âm /u:/ và /ʊ/, [d] sẽ được phát âm thành /dʒ/.**

Duet                      Dual                      Dune                      Educate  
 During                      Duo                      Individual

**(2) Phụ âm [j] sẽ được phát âm thành /dʒ/.**

Joke                      Joy                      Jar                      Jump

**(3) Phụ âm [b] sẽ không được phát âm khi trong tổ hợp [mb] và [bt] đứng cuối từ.**

Comb                      Climb                      Bomb  
 Debt                      Doubt                      Tomb

**(4) Phụ âm [p] sẽ không được phát âm khi trong tổ hợp [ps]**

Psychology                      Corps                      Psyche

**Lưu ý:** [p] trong receipt cũng bị "câm".

**(5) Phụ âm [k] sẽ không được phát âm khi trong tổ hợp [kn]**

Know                      Knight                      Knife                      Knock

**(6) Phụ âm [t] sẽ không được phát âm khi trong tổ hợp [sten] – [ften] – [stle]**

Listen                      Fasten                      Often                      Castle

**Ngoài ra:** [t] trong một số từ như butcher – watch – mortgage – Christmas cũng bị "câm".

(7) Phụ âm [h] sẽ không được phát âm trong các từ phổ biến dưới đây (không có quy tắc cho phụ âm [h] câm).

Hour                      Honor                      Honest                      Herb  
 Vehicle                      Exhaust                      Heir

**Ngoài ra:** [h] trong [wh] và [rh] đều sẽ bị "câm".

What                      Why                      Rhino                      Rhythm

**(8) Phụ âm [w] sẽ không được phát âm khi nằm trong vần [wr]**

Write                      Wrong                      Wrestle                      Wrinkle

**MỘT SỐ VẦN CUỐI PHỔ BIẾN**

Trong tiếng Anh, các phụ âm đứng cuối một từ thường sẽ được phát âm theo âm gió hoặc âm rung, và các phụ âm sẽ tạo ra các âm phụ âm tương ứng hoặc theo những trường hợp mà chúng ta đã được học.

[t] – [te] → /t/: Cat – Beat – Got - Late

[c] - [k] – [ke] → /k/: Music – Basic – Knock - Like

[s] → /s/ hoặc /z/ tùy thuộc vào phụ âm liền trước /s/

[ce] → /s/: Nice – Face – Price

[d] → /d/: Need – Stand

[th] → âm /θ/ hoặc /ð/

[ch] → âm /tʃ/ hoặc /ʃ/ hoặc /k/

[f] – [fe] → âm /f/: Life – Gift

[v] – [ve] → âm /v/: Leave – Love

[p] – [pe] → âm /p/: Stop – Hope

[sh] → âm /ʃ/: Wash – Fish - Cash

[l] – [n] – [m] → âm /l/ - /n/ - /m/

[r] → âm /ər/: Fire – Far – Near

Ngoài ra còn nhiều hậu tố khác mà chúng ta có thể tìm hiểu.

## HẬU TỐ [ES]

Hậu tố “es” được phát âm thành /z/ hoặc /ɪz/

**(1) Nếu liền trước [es] là các âm phụ âm /s/, /z/, /ʃ/, /tʃ/, /dʒ/, /ʒ/ (thường được tạo ra từ -sh, -ce, -s, -ss, -z, -ge, -ch, -x), [es] sẽ được phát âm thành /ɪz/.**

Buses	Prizes	Dishes	Matches
Fixes	Manages	Faces	Misses
Judges	Loses	Taxes	Relaxes

**(2) Nếu liền trước [es] là các âm phụ âm hữu thanh còn lại, [es] sẽ được phát âm thành /z/.**

Does	Tables	Goes	Loves
------	--------	------	-------

**(3) Nếu liền trước [es] là các âm phụ âm vô thanh còn lại, [es] sẽ được phát âm thành /s/.**

Likes	Hates	Lifts	Hopes
-------	-------	-------	-------

## HẬU TỐ [ED]

Hậu tố [ed] trong tiếng Anh được phát âm thành các âm /t/ hoặc /d/ hoặc /ɪd/.

**(1) Nếu liền trước [ed] là các âm phụ âm hữu thanh, [ed] sẽ được phát âm thành /d/.**

Cleaned	Fired	Climbed	Piled
Designed	Showed	Prized	Tagged

**(2) Nếu liền trước [ed] là các âm phụ âm vô thanh, [ed] sẽ được phát âm thành /t/.**

Stopped	Missed	Liked	Faced
Washed	Fixed	Matched	Shopped

**(3) Nếu liền trước [ed] là các âm phụ âm [t] và [d], [ed] sẽ được phát âm thành /id/.**

Wanted	Waited	Visited	Hated
Decided	Needed	Funded	Handed

**Chú ý:** Một số tính từ có đuôi [ed] được phát âm thành /id/

Learned	Naked	Wicked	Crooked
Aged	Blessed	Ragged	Wretched

**Quiz 16:** Hãy lựa chọn từ có phụ âm gạch chân phát âm khác với các từ còn lại.

- |                       |                    |                     |                     |
|-----------------------|--------------------|---------------------|---------------------|
| 1. A. Pav <u>e</u> s  | B. Tabl <u>e</u> s | C. Pric <u>e</u> s  | D. Me <u>a</u> ns   |
| 2. A. Park <u>e</u> d | B. Me <u>a</u> t   | C. Stopp <u>e</u> d | D. Crook <u>e</u> d |

**Practice 7:** Hãy lựa chọn từ có nguyên âm gạch chân phát âm khác với các từ còn lại.

- |                            |                     |                      |                    |
|----------------------------|---------------------|----------------------|--------------------|
| 1. A. <u>C</u> hemist      | B. <u>C</u> hicken  | C. <u>C</u> hurch    | D. <u>C</u> hief   |
| 2. A. <u>C</u> halk        | B. <u>O</u> cean    | C. <u>M</u> achine   | D. <u>S</u> hip    |
| 3. A. Talk <u>e</u> d      | B. Nak <u>e</u> d   | C. Ask <u>e</u> d    | D. Lik <u>e</u> d  |
| 4. A. Work <u>e</u> d      | B. Stopp <u>e</u> d | C. Forc <u>e</u> d   | D. Want <u>e</u> d |
| 5. A. <u>S</u> un          | B. <u>S</u> ure     | C. <u>S</u> uccess   | D. <u>S</u> ort    |
| 6. A. <u>G</u> ate         | B. <u>G</u> em      | C. <u>G</u> aze      | D. <u>G</u> uess   |
| 7. A. <u>T</u> hus         | B. <u>T</u> humb    | C. Clo <u>th</u> ing | D. <u>T</u> hen    |
| 8. A. Schol <u>a</u> rship | B. <u>C</u> haos    | C. <u>C</u> herish   | D. <u>C</u> horus  |
| 9. A. Wait <u>e</u> d      | B. Mend <u>e</u> d  | C. Nak <u>e</u> d    | D. Fac <u>e</u> d  |
| 10. A. <u>G</u> as         | B. <u>G</u> ain     | C. <u>G</u> iant     | D. <u>G</u> oods   |